

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 31

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở nấu thịt gà, củ sắn, cà rốt, húng quế, giá, ngò gai
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá diêu hồng chiên nước mắm
- Canh su hào nấu tôm tươi, hành lá, ngò rí
- Rau dền cơm luộc
Xế: Bánh Pudding trứng sữa
Xế chiều: Bún nấu thịt heo, rau xà lách xoăn, hành tây, hạt cà ri, rau răm, hành phi, tiêu

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
3	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
4	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
5	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,460	5,460
6	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,930	4,465
7	0645	Bánh phở khô	300	8,800	26,400
8	0089	Cà rốt	200	5,780	11,560
9	0028	Củ sắn dây	100	2,520	2,520
10	0118	Giá đậu xanh	100	2,730	2,730
11	0158	Rau húng	50	11,030	5,515
12	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,510	3,255
13	N0772	Thịt ức gà	400	12,920	51,680
14	0178	Su hào	800	5,250	42,000
15	N0799	Cá diêu hồng phi lê	1,700	22,680	385,560
16	0424	Tôm sú	400	32,030	128,120
17	0121	Hành tây	100	3,680	3,680
18	0170	Rau răm	20	4,940	988
19	0172	Rau xà lách	100	4,620	4,620
20	0653	Bún khô	400	4,950	19,800
21	N0770	Thịt nạc dăm	500	18,480	92,400
22	N0861	Dầu màu điều	20	42,900	8,580
23	0512	Hạt tiêu	20	31,900	6,380
24	0457	Sữa bột toàn phần	552.03	20,500	113,166
25	0646	Bánh pudding	1,240	11,800	146,320

26	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
Tổng cộng					1,146,999

Tổng tiền thực phẩm	1,146,999
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,147,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiền chuẩn lũy kế từ đầu tháng	11,396,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	11,395,999

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan